

Bài 15

VẤN ĐỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. VẤN ĐỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Sự cần thiết phải tăng cường quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng kinh tế thì trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam coi đó là một trong những phương hướng cơ bản cần nắm vững trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cương lĩnh năm 1991 xác định nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là: "bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ

ngĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta"¹.

Quan điểm kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chính là thể hiện sự nhận thức quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc trong thời kỳ lịch sử mới; quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa theo lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quy luật đó được thể hiện ở hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại lịch sử, từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, dân tộc ta chưa bao giờ được yên ổn để tập trung sức xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội. Từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, các thế lực thù địch không ngừng tiến hành các hoạt động chống phá hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng, nhằm xóa bỏ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ tình hình thế giới và trong nước trong những thập niên 90 của thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI, Đảng đã định hình rõ hơn các nguy cơ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.51, tr.142.

xã hội chủ nghĩa, chỉ ra các nhân tố có khả năng gây mất ổn định chính trị - xã hội, phá hoại an ninh quốc gia và sự nghiệp quốc phòng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới.

Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến hết sức phức tạp với những biến động bất trắc khó lường, tiềm ẩn cả những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ, tích cực và tiêu cực đối với sự phát triển của mỗi quốc gia dân tộc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có bước tiến nhảy vọt tác động đến mọi quốc gia và các quan hệ quốc tế trong thế giới đương đại. Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế tất yếu tác động đến tất cả các quốc gia với cả thời cơ và nguy cơ, tích cực và tiêu cực. Bên cạnh xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển thì cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc vẫn diễn ra gay gắt, quyết liệt. Xung đột giữa các dân tộc, sắc tộc; chạy đua vũ trang, chiến tranh cục bộ, khủng bố, bạo loạn lật đổ vẫn là mối đe dọa độc lập, chủ quyền, an ninh của các quốc gia dân tộc trên thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và còn tồn tại các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, còn có sự phân cực, chênh lệch giữa các nước phát triển và đang phát triển thì hai mặt hợp tác và đấu tranh là hai mặt luôn tồn tại song song. Những điều đó đặt ra nhiều vấn đề mà mỗi quốc gia, dân tộc phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề quốc phòng - an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong hoạch định chiến lược phát triển của mình.

Đối với nước ta các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ hòng xóa

bỏ chủ nghĩa xã hội. Hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với Việt Nam là sự tiếp tục âm mưu chiến lược cơ bản của chúng hùng tiêu diệt chủ nghĩa xã hội. Chúng sử dụng tổng hợp các biện pháp và thủ đoạn tinh vi, thâm độc để chống phá Nhà nước Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, răn đe quân sự... Các thế lực thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam trong bối cảnh nước ta đổi mới về kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến nay, nền kinh tế của nước ta đã vượt qua thời kỳ suy giảm và có sự phát triển tương đối toàn diện. Tuy nhiên, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tiềm ẩn, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch đã và đang triệt để khoét sâu những khó khăn, yếu kém của chúng ta để thực hiện cho được âm mưu chiến lược của chúng. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có thể mất bằng nhiều cách, không nhất thiết bị đánh chiếm bằng quân sự. Vì vậy, bảo vệ Tổ quốc không chỉ chống giặc ngoại xâm mà còn chống cả "thù trong" và những nguy cơ nội sinh; không chỉ chống các loại hình chiến tranh xâm lược vũ trang mà còn chống cả các loại hình chiến tranh xâm lược phi vũ trang; không chỉ nhằm chuẩn bị và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà còn duy trì, phát triển cục diện hòa bình và ổn định chính trị - xã hội của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới,

hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới, lợi ích quốc gia, dân tộc. Bảo vệ an ninh quốc gia không chỉ là an ninh chính trị mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội.

Trong thời kỳ mới, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là đối phó với hành động vũ trang xâm lược từ bên ngoài mà còn đặc biệt coi trọng việc xây dựng và giữ vững bên trong, đối phó với những thủ đoạn phi vũ trang của kẻ địch. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc không chỉ là riêng sức mạnh của lực lượng vũ trang mà là sức mạnh tổng hợp của quốc gia và chế độ, lấy sức mạnh chính trị, tinh thần, kinh tế, khoa học - công nghệ của đất nước làm cơ sở để kết hợp và phát huy sức mạnh thời đại vào sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Vì thế, điều quyết định cho sự bền vững của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa là phải kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bởi lẽ, sự ổn định và phát triển mọi mặt của đời sống xã hội sẽ bảo đảm cho sự phát triển bền vững của mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đồng thời là nền tảng của quốc phòng, an ninh. Không có quốc phòng, an ninh mạnh, không có trật tự, an toàn xã hội thì không thể có ổn định chính trị - xã hội và càng không thể đối phó

thắng lợi với những âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch. Với ý nghĩa ấy, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là góp phần thiết thực tạo ra môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Đảng ta luôn coi tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội vừa là điều kiện cho sự phát triển xã hội vừa là nội dung của mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ mới, cần nhận thức một cách toàn diện và thấu đáo về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Mục tiêu của sự kết hợp ấy là khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tổng hợp của quốc gia và chế độ nhằm bảo đảm cho kinh tế - xã hội phát triển ổn định, nhanh và bền vững; xây dựng quốc phòng, an ninh vững chắc; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Sự kết hợp chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược không chỉ trong nhận thức mà cả trong hành động, trong mỗi nhiệm vụ, lĩnh vực, khu vực và địa bàn chiến lược nhất định mà xác định trong mọi chủ thể, ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, phải kết hợp chặt chẽ giữa quân sự, quốc phòng với chính trị, kinh tế, đối ngoại, khoa học - công nghệ, văn hóa, xã hội; giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quân sự, quốc phòng và giữa tăng cường quân sự, quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân

gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp quốc phòng với an ninh và hoạt động đối ngoại.

Trải qua gần 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quân đội nhân dân Việt Nam luôn làm tròn chức năng, nhiệm vụ của đội quân chiến đấu, sản xuất, công tác. Hiện nay, để kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, trước hết đòi hỏi Quân đội ta phải hoàn thành tốt chức năng của đội quân chiến đấu, thật sự là một lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới, lực lượng vũ trang cần quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng quân đội nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu, luôn chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt, chính trị - tinh thần, tâm lý, thể chất, trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự, kỷ luật và vũ khí trang bị... để đối phó với mọi tình huống, tạo nên sức mạnh răn đe các thế lực thù địch. Đồng thời, Quân đội ta phải thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của đội quân sản xuất, công tác; quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng, thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Theo đó, phải nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội, bảo đảm đúng pháp luật, góp phần cùng doanh nghiệp nhà nước củng cố và giữ vững vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả xây

dụng các khu kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược. Đẩy mạnh công tác dân vận của quân đội trong giai đoạn mới. Tích cực, chủ động tham gia giáo dục tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không ngừng củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt với nhân dân. Phát huy vai trò của Quân đội nhân dân trong tham gia xây dựng cơ sở địa phương về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là ở những địa phương trên các địa bàn chiến lược, vùng biên giới, hải đảo.

2. Định hướng chính sách quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Định hướng chính sách quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện rất rõ trong Cương lĩnh năm 1991 do Đại hội VII của Đảng thông qua:

- "Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ"¹.

- "Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.51, tr.142.

hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại"¹.

- "Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t.51, tr.142-143.

cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của quân đội nhân dân và công an nhân dân"¹.

- "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an nhân dân"².

Các luận điểm trên đây của Cương lĩnh năm 1991 đã được Đảng phát triển, bổ sung qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng như:

- Xác định 6 mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay: *một là*, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; *hai là*, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; *ba là*, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; *bốn là*, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; *năm là*, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; *sáu là*, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Xác định đầy đủ hơn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là: "Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd*, t.51, tr.143, 144.

ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ"¹.

- Đảng ta đã có nhận thức mới về "bạn - thù", "địch - ta" "đối tác - đối tượng".

- Khẳng định rõ các quan điểm, phương châm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc:

+ Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ Tổ quốc, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

+ Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với nền tảng là "thế trận lòng dân", của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân.

+ Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.108-109.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến.

+ Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ; coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

+ Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

+ Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

Kế thừa nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* về cơ bản tiếp tục các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về quốc phòng, an ninh, đồng thời có một số bổ sung, phát triển.

- Về mục tiêu của quốc phòng, an ninh:

+ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Giữ vững hoà bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

+ Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

- Về trách nhiệm đối với quốc phòng, an ninh: là trách nhiệm thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

- Về mối quan hệ giữa quốc phòng với an ninh, kinh tế:

+ Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

+ Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trong từng địa bàn.

- Định hướng xây dựng nền quốc phòng, an ninh:

+ Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân; chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp.

+ Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

+ Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

+ Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

+ Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và các Nghị quyết Đại hội Đảng đã nêu rõ định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh như sau:

Một là, phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống mang tính toàn cầu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Hai là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh.

Làm cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, như: chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao, tranh chấp chủ quyền biển đảo, vùng trời, "diễn biến hoà bình", bạo loạn chính trị, khủng bố, tội phạm công nghệ cao, tội phạm xuyên quốc gia...

Ba là, tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh cả về tiềm lực và thế trận.

- Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững mạnh.

- Xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế trong từng chiến lược quy

hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo.

Bốn là, xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Duy trì Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có số lượng hợp lý, với chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, đồng thời quan tâm xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại, trước hết là cho lực lượng hải quân, phòng không, không quân, lực lượng an ninh, tình báo, cảnh sát cơ động.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nghệ thuật quân sự, an ninh, đánh thắng chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao của các lực lượng thù địch.

Năm là, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh.

- Hoàn thiện các chiến lược quốc phòng, an ninh và hệ thống cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, các quy chế phối hợp giữa Quân đội, Công an và các tổ chức chính trị - xã hội.

II. VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Sự cần thiết phải có quan hệ đối ngoại đúng đắn, có hiệu quả trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cương lĩnh năm 1991 xác định một trong năm đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: "có quan hệ hữu nghị với các dân tộc khác trên thế giới"¹.

Về mục tiêu của chính sách đối ngoại, Cương lĩnh khẳng định: "tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"².

Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX đã phát triển quan điểm về mục tiêu của công tác đối ngoại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.50, tr.217.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.51, tr.144.

hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ của công tác đối ngoại gồm ba vế: (1) Giữ vững môi trường hoà bình; (2) Tạo và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; (3) Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII đã xác định tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng nước ta có quan hệ.

Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh. Để phát triển, nước ta không thể đứng ngoài quá trình toàn cầu hoá kinh tế mà phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự

chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường. Đây là một nội dung rất quan trọng của đường lối đối ngoại trong điều kiện quá trình toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định mục tiêu đã được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991, nhưng *diễn đạt cụ thể hơn*: nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Đại hội XI xác định chủ trương định hướng chung là: "Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"¹.

Nhiệm vụ được xác định là: "giữ vững môi trường hoà bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.83-84.

toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"¹.

2. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam qua các thời kỳ

a) Thời kỳ trước đổi mới

Đối ngoại là một lĩnh vực hoạt động quan trọng đã được *Đảng Cộng sản Việt Nam* xác định từ rất sớm. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (xuất bản năm 1927), Nguyễn Ái Quốc xác định: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"². Ngay từ ngày mới thành lập, Đảng đã coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực hành liên hệ với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Luận cương chính trị tháng 10-1930 bổ sung: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp và phải mật thiết liên lạc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm mở rộng và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.236.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, tr.301.

tăng cường lực lượng cho cuộc đấu tranh cách mạng ở Đông Dương.

Từ khi được thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đối ngoại là một mặt trận quan trọng, góp phần bảo đảm sự thành công của cách mạng Việt Nam. Đến năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua hơn 45 năm trường kỳ, gian khổ, nhiều hy sinh, mất mát nhưng cũng đầy oanh liệt, oai hùng.

Là sản phẩm sáng tạo của tư duy lý luận của Đảng kết hợp vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, quán triệt sâu sắc mục tiêu, quan điểm đối ngoại, nội dung đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện qua các giai đoạn tương ứng:

- Giai đoạn đấu tranh giành chính quyền:

Trước tình hình biến đổi phức tạp và nhanh chóng của thế giới ở giai đoạn cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng ta nhận định thời cơ làm cách mạng, lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền đã chín muồi. Cuối tháng giêng năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chủ trì Hội nghị lần thứ tám Đảng Cộng sản Đông Dương tại Pác Bó, tỉnh Cao Bằng (từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941). Hội nghị phân tích, đánh giá tình hình thế giới và tác động tương quan lực lượng ở Đông Dương; đề ra nhiều nhiệm vụ quan trọng và cấp bách cho cách mạng Việt Nam, trong đó có chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, dự kiến thành lập một

chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Về công tác đối ngoại (ngoại giao), chính phủ đó sẽ: 1) Hủy bỏ tất cả mọi hiệp ước mà Pháp đã ký với bất kỳ nước nào; 2) Tuyên bố các dân tộc bình đẳng và hết sức giữ hòa bình; 3) Kiên quyết chống tất cả các lực lượng xâm phạm đến quyền lợi của nước Việt Nam; 4) Mật thiết liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới¹. Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam phải đứng về phe đồng minh, giao thiệp với Quân đội Trung Quốc và với cả Anh, Mỹ để lợi dụng họ mà giải phóng Đông Dương chứ không phải giúp họ quay lại chiếm đóng Đông Dương.

- Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954:

Tháng Tám năm 1945, tranh thủ những điều kiện thuận lợi trong nước và quốc tế, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân chuẩn bị và chớp thời cơ tổng khởi nghĩa làm cách mạng, giành chính quyền về tay nhân dân và tuyên bố độc lập. Khi chính quyền non trẻ vừa mới ra đời đã phải đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Các nước đồng minh (trực tiếp là quân Anh và quân Tưởng) lợi dụng danh nghĩa thay mặt quân đồng minh giải giáp vũ khí quân Nhật ở Đông Dương âm mưu tái chiếm Việt Nam hoặc ít nhất cũng dùng Đông Dương để mặc cả đòi phân chia quyền lợi lẫn nhau, điều này gây nhiều bất lợi cho cách mạng Việt Nam.

1. Xem *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.38.

Trước tình hình khó khăn đó nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại là: "Kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc "bình đẳng và tương trợ". Phải đặc biệt chú ý những điều này: một là thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết; hai là muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực"¹.

Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại giai đoạn này là: Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao nhằm phân hóa kẻ thù, lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước đồng minh.

Tích cực đấu tranh ngoại giao hợp pháp và công khai trên tinh thần Hiến chương Đại Tây Dương (tháng 8-1941), Hiến chương Liên hợp quốc (tháng 6-1945), Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp (1791) nhằm khẳng định chính quyền Việt Nam và quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.

Mở rộng hoạt động ngoại giao, ký kết hiệp định hợp tác hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên, Cộng hòa dân chủ Đức... để tranh thủ sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần của các nước này phục vụ cho công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Đấu tranh ngoại giao để các nước công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ duy nhất, hợp pháp của toàn thể nhân dân Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.27.

Tranh thủ liên hiệp với phong trào cách mạng thế giới nhằm tập hợp lực lượng ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam cũng như các nước Đông Dương.

Hợp tác chặt chẽ với Đảng và nhân dân các nước Lào, Campuchia nhằm tăng thêm sức mạnh cùng chống lại kẻ thù chung.

Đường lối đối ngoại giai đoạn này đã góp phần củng cố chính quyền, tăng cường sức mạnh cho cách mạng góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, chấm dứt chiến tranh của thực dân Pháp ở miền Bắc.

- Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975:

Sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ thay chân Pháp xâm chiếm miền Nam Việt Nam, đất nước Việt Nam bị chia cắt làm hai miền, cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới cùng thực hiện song song hai chiến lược cách mạng: đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Đường lối đối ngoại cơ bản của Đảng ta lúc này là:

Với phương châm nêu cao tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tố cáo những âm mưu đen tối của kẻ thù, tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, sự đồng tình ủng hộ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ngoại giao với tinh thần chủ động, linh hoạt nhưng kiên quyết, cứng rắn với kẻ thù;

phát huy quan hệ sẵn có, tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện, hữu nghị, tương trợ với các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là với Liên Xô, Trung Quốc; thắt chặt quan hệ hợp tác và đẩy mạnh giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia; tranh thủ quan hệ và sự ủng hộ của các nước trung lập, của các phong trào không liên kết và yêu chuộng hòa bình trên thế giới nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh bại đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai đi đến giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Sau 45 năm đấu tranh và xây dựng, hoạt động ngoại giao đã đạt được một số kết quả sau:

+ Tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn về nhiều mặt (cả vật chất và tinh thần) của nhân dân thế giới, trong đó trước hết phải kể đến là sự giúp đỡ của Đảng và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa. Sự giúp đỡ này là điều kiện cực kỳ quan trọng không chỉ góp phần làm nên chiến thắng của cách mạng Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ mà còn giúp chúng ta xây dựng được những cơ sở ban đầu cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

+ Thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước phụ thuộc để cùng đoàn kết chống ngoại xâm.

+ Tăng cường tình đoàn kết anh em với nhân dân Lào và Campuchia, đã làm tăng sức mạnh của mỗi dân tộc cũng như sức mạnh tổng hợp của cả ba dân tộc để đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

- Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1985:

Từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX, sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ đã thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh; Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới; xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hoà hoãn giữa các nước lớn. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lớn mạnh không ngừng. Tuy nhiên, từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định.

Tháng 2-1976, các nước ASEAN ký Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Bali), mở ra cục diện hoà bình, hợp tác trong khu vực.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoà bình, thống nhất, cả nước tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được một số thành tựu quan trọng.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, đất nước ta gặp rất nhiều khó khăn như: Đất nước phải đối phó với chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc; các thế lực thù địch sử dụng những thủ đoạn thâm độc chống phá cách mạng Việt Nam; tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế - xã hội.

Trong tình hình như vậy, chủ trương đối ngoại của Đảng ta là: "ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa,

khoa học, kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta"¹. Đối với các nước, Đảng chủ trương:

- Củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào - Campuchia.

- Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam.

- Khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

- Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, về kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị.

Mặc dù trong giai đoạn này nước ta bị bao vây, cô lập, nhưng đường lối đối ngoại đó đã mang lại những kết quả quan trọng cho con đường phát triển của Việt Nam như: Việt Nam gia nhập Hội đồng Tương trợ kinh tế (khối SEV) (29-6-1978); Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô (31-11-1978); từ năm 1975 đến năm 1977, nước ta đã thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước; ngày 15-9-1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF); ngày 21-9-1976, tiếp nhận ghế thành viên chính thức của Ngân hàng Thế

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.617.

giới (WB); ngày 23-9-1976, gia nhập Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); ngày 20-9-1977, tiếp nhận ghế thành viên tại Liên hợp quốc; cuối năm 1976, Philíppin và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam...

b) Thời kỳ từ đổi mới (1986) đến nay

Vào cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng "toàn diện và nghiêm trọng", cuối cùng đi đến sụp đổ trên một bộ phận lớn, điều này đã làm thay đổi cơ bản quan hệ chính trị thế giới. Bên cạnh đó, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã và đang tác động đến tất cả các quốc gia dân tộc với mức độ khác nhau. Chủ nghĩa tư bản sử dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ nên thích nghi và tiếp tục phát triển. Các quốc gia trong cộng đồng thế giới đều điều chỉnh chính sách đối ngoại để phù hợp với tình hình mới.

Trong bối cảnh quốc tế như vậy, quan hệ quốc tế đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, thế hai cực bị phá vỡ, từ đó làm nảy sinh xu hướng đa dạng hoá, đa phương hoá trong tiến trình toàn cầu hoá, phát triển và phụ thuộc lẫn nhau. Toàn cầu hoá về kinh tế chiếm vị trí quan trọng trong quan hệ quốc tế, được ưu tiên phát triển và trở thành vấn đề chính trong quan hệ quốc tế. Việt Nam nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và ASEAN - là khu vực phát triển kinh tế năng động với tốc độ cao, chính trị tương đối ổn định. Tiến hành đổi mới toàn diện đất

nước bắt đầu từ năm 1986, Việt Nam đã thu được nhiều thắng lợi. Là một bộ phận hợp thành đường lối đổi mới của Đảng, đường lối và chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã khai thác có hiệu quả các nhân tố quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chống chiến lược "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên.

Những biến đổi to lớn trong nước và thế giới trong những năm 1980-1990 đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn đòi hỏi Đảng và Nhà nước Việt Nam phải đưa ra những giải pháp ngang tầm với những biến đổi đó. Bằng sự nhạy cảm chính trị, kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng, Đảng đề ra đường lối đổi mới đất nước và tiến hành tự đổi mới để hội nhập với cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập dân tộc, hợp tác và phát triển. Trên cơ sở đổi mới chính sách đối nội đã hình thành và phát triển chính sách đối ngoại mới giàu sức hấp dẫn, tạo mối quan hệ hợp tác của các nước với Việt Nam.

Chính sách đối ngoại đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong một thế giới mới đầy biến động đã đáp ứng được những yêu cầu từ thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước. Những hình thức đối ngoại mới phù hợp với xu thế thời đại nên đã thu được những thành tựu to lớn. Những thành tựu đối ngoại đã góp phần quan trọng phá vỡ thế bao vây, cô lập về chính trị, dỡ bỏ cấm vận về kinh tế, đưa Việt Nam hoà nhập với khu vực và thế giới, khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng, khẳng định tư duy

chính trị nhạy bén, sâu sắc, giàu kinh nghiệm trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới từ năm 1986, đổi mới tư duy đối ngoại. Đại hội VII, VIII, IX của Đảng đã khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo, nhạy bén trong việc hoạch định và thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, đường lối đối ngoại đã phát triển. Hội nghị Trung ương 3 khoá VII ra nghị quyết chuyên đề về đối ngoại; các nhiệm kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X đã phát triển thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển.

Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo công tác đối ngoại của ta là: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; quán triệt đường lối độc lập tự chủ, kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá theo phương châm "thêm bạn, bớt thù", vừa hợp tác vừa đấu tranh, cố gắng gia tăng hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc; lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII nêu bốn phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế: *Một là*, bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. *Hai là*, giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. *Ba là*, nắm

vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. *Bốn là*, tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Đại hội X nhấn mạnh phương châm phát triển công tác đối ngoại nhân dân là: "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả"¹. Trong mở rộng quan hệ về mặt Nhà nước, chúng ta tuân thủ các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền. Đây là các nguyên tắc cơ bản của quan hệ quốc tế được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc và cũng là thành quả đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc Việt Nam. Các nguyên tắc này phù hợp với lợi ích của dân tộc ta, đất nước ta.

Trong quan hệ đối ngoại của Đảng và các đoàn thể, tổ chức nhân dân (đối ngoại nhân dân), chúng ta thực hiện các nguyên tắc: độc lập, tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Ta không quan hệ với các đảng, tổ chức cực đoan.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd*, tr.39.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

Trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối mà Cương lĩnh năm 1991 đề ra trên lĩnh vực đối ngoại đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Thực hiện thành công đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển của giai đoạn đổi mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Đã phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận; mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương, đa dạng với tất cả các nước; mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân; gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực; nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới.

- Góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ; từng bước giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, đảo với các nước liên quan; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những thành tựu trên, lĩnh vực đối ngoại còn tồn tại những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với nhiều chủ thể quan hệ quốc tế chưa bền vững.

- Ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới chưa tương xứng với vị trí, vai trò của nước ta.

- Chưa có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động về một số vấn đề đối ngoại.

- Sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa hoạt động quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại; giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hoá đối ngoại; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, đồng bộ.

- Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại chưa sâu (nhất là về các nước lớn).

3. Nhiệm vụ, giải pháp triển khai các hoạt động đối ngoại

Trên cơ sở tiếp thu về nhận thức và hoạt động thực tiễn qua các kỳ Đại hội, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã đề ra các nhiệm vụ của chính sách đối ngoại:

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế;

nâng cao vị thế của đất nước; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

- Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

- Phấn đấu cùng các nước ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh¹.

Báo cáo chính trị tại Đại hội XI của Đảng xác định rõ hơn các giải pháp chủ yếu:

Một là, nâng cao hiệu quả của hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc; chủ động ngăn

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.83-84.

ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế:

- Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường, khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực về vốn, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến.

- Tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Thực hiện tốt công việc tại các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên hợp quốc.

- Tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức khu vực và quốc tế trong việc đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống, và nhất là tình trạng biến đổi khí hậu.

- Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề dân chủ, nhân quyền; chủ động, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của Việt Nam.

Hai là, thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ:

- Việc xác định ranh giới biển và thềm lục địa với các nước liên quan trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

- Làm tốt công tác quản lý biên giới, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và cùng phát triển.

- củng cố, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị truyền thống với các nước láng giềng có chung biên giới.

Ba là, chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, tăng cường quan hệ với các đối tác, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong các khuôn khổ hợp tác ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Bốn là, phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác; mở rộng ngoại giao nhân dân:

- Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Mở rộng tham gia các cơ chế, diễn đàn đa phương ở khu vực và thế giới.

- Coi trọng và nâng cao hiệu quả của công tác ngoại giao nhân dân.

Năm là, tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; thường xuyên bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Sáu là, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh¹.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.236-238.